

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15-01-2026

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thụy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 710/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; thường trú: xóm H, xã T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: số C, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**- Bị đơn:** ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; thường trú: xóm H, xã T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: số C, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng ông bà tự nguyện tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng mọi

quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông H có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 02/12/2009 và Nguyễn Văn Trí D, sinh ngày 18/12/2013. Bà T yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng: theo yêu cầu khởi kiện, bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng/01 con chung, tổng cộng 8.000.000 đồng/02 con chung. Quá trình tố tụng bà T thay đổi yêu cầu cấp dưỡng. Bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 con chung, tổng cộng 3.000.000 đồng/02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H:*

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông H có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông H không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông H tham gia hòa giải vào ngày 04/12/2025. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ông H có mặt nhưng sau đó tự ý bỏ về không có lý do, đồng thời bà T có yêu cầu từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông H tham gia phiên tòa vào ngày 26/12/2025 và ngày 15/01/2026 nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T được xem xét trên cơ sở chứng cứ do bà T cung cấp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 26/12/2025 và ngày 15/01/2026 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:*

[1] Về tố tụng: nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào

Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) vào ngày 27/5/2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Bà T xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, bất đồng mọi quan điểm sống, ông H có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay, bà T xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu ly hôn.

Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập bà T và ông H đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án. Tại buổi hòa giải, ông H có mặt nhưng sau đó tự ý bỏ về không có lý do. Điều này chứng tỏ bản thân ông H không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn bà T xác định không còn tình cảm với ông H. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 02/12/2009 và Nguyễn Văn Trí D, sinh ngày 18/12/2013. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng ông H không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không, hơn nữa nguyện vọng của cháu A và D đều mong muốn được chung sống với bà T. Cho nên, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Cha mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của các con. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 con chung, tổng cộng 3.000.000 đồng/02 con chung là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn, ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H (Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An) cấp ngày 27/5/2009).

- Về con chung và cấp dưỡng: ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm giao 02 con chung là cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 02/12/2009 và Nguyễn Văn Trí D, sinh ngày 18/12/2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/01 con chung, tổng cộng 3.000.000 (ba triệu) đồng/02 con chung. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn Trí D đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, ông Nguyễn Văn H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, bà Nguyễn Thị T không có quyền cản trở ông Nguyễn Văn H thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì ông Nguyễn Văn H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0036243 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu: VP, HS.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy**